



# TÍNH PHÁP LÝ CỦA GỖ NGUYÊN LIỆU RỪNG TRỒNG TẠI VIỆT NAM

Một số tồn tại và kiến nghị về chính sách

Tô Xuân Phúc (Forest Trends)  
Cao Thị Cẩm (VIFOREST)

## Mục lục

<b>Tóm tắt.....</b>	<b>2</b>
<b>1. Giới thiệu .....</b>	<b>3</b>
<b>2. Nguồn gỗ nguyên liệu từ rừng trồng.....</b>	<b>4</b>
2.1. Rừng trồng sản xuất từ hộ gia đình .....	5
2.2. Rừng trồng sản xuất của các công ty lâm nghiệp .....	6
2.3. Tổng lượng cung gỗ nguyên liệu từ rừng trồng .....	7
<b>3. Chuỗi cung gỗ rừng trồng hiện tại.....</b>	<b>7</b>
<b>4. Khung pháp lý hiện hành có liên quan đến tính hợp pháp của gỗ rừng trồng .....</b>	<b>8</b>
4.1. Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn .....	8
4.2. Thông tư 219/2013/TT-BTC và Thông tư 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính .....	9
<b>5. Hai tồn tại trong chuỗi cung rừng trồng hiện nay.....</b>	<b>10</b>
5.1. Vấn đề thứ nhất: Xác minh nguồn gốc gỗ nguyên liệu đầu vào .....	11
5.2. Vấn đề thứ 2: Xác minh tính hợp pháp trong các giao dịch trong chuỗi cung .....	12
5.3. Các văn bản của Tổng cục Thuế về tăng cường thanh kiểm tra thuế .....	13
Công văn 2124/TCT/TTKT của Tổng cục Thuế .....	14
Công văn 2928/TCT/TTKT của Tổng cục Thuế .....	14
<b>6. Thực trạng vận hành của chuỗi cung hiện tại .....</b>	<b>15</b>
6.1. Doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ nội và ngoại thất .....	15
6.2. Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu viên nén .....	16
6.3. Doanh nghiệp sản xuất, thương mại và xuất khẩu dăm gỗ .....	16
6.4. Doanh nghiệp sản xuất gỗ dán.....	17
<b>7. Kết luận và kiến nghị .....</b>	<b>17</b>
7.1. Đơn giản hóa việc xác minh nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào của hộ .....	17
7.2. Sửa đổi chính sách hiện hành nhằm đưa chính sách vào thực tiễn .....	18
7.3. Đánh giá khách quan về tác động thuế xuất khẩu tới chuỗi cung và đặc biệt tới hộ trồng rừng .....	19

## Tóm tắt

Đến nay, gỗ rừng trồng của Việt Nam, đặc biệt là nguồn gỗ từ 1,4 triệu hộ gia đình, đã trở thành một trong những nguồn cung gỗ nguyên liệu quan trọng nhất cho ngành gỗ. Nguồn cung này hiện chiếm 50-60% trong tổng lượng cung gỗ nguyên liệu từ rừng trồng trong nước và trực tiếp góp phần vào sự phát triển của hàng nghìn công ty sản xuất đồ gỗ, ván ép, dăm, viên nén có sử dụng gỗ này làm nguyên liệu đầu vào. Thông qua các sản phẩm xuất khẩu, nguồn gỗ từ hộ góp phần to lớn trong con số gần 15 tỷ USD là tổng kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ năm 2021. Hiện nguồn gỗ này đang thay thế cho các nguồn cung gỗ nguyên liệu nhập khẩu, bao gồm một phần nguồn gỗ rủi ro có xuất xứ từ các quốc gia nhiệt đới. Gia tăng sử dụng gỗ rừng trồng trong nước không chỉ làm tăng thu nhập cho các hộ trồng rừng mà còn giúp giảm rủi ro cho ngành, từ đó thúc đẩy ngành phát triển bền vững.

Tuy nhiên hiện nguồn gỗ này đang còn hai mảng tồn tại về mặt xác định nguồn gốc, tính hợp pháp của gỗ cũng như trong các giao dịch trong chuỗi. Mảng tồn tại thứ nhất là về các khó khăn trong việc xác định nguồn gốc gỗ. Tồn tại này hình thành bởi các diện tích đất nơi gỗ được khai thác còn thiếu các bằng chứng pháp lý nhằm xác định hộ bán gỗ có đầy đủ các quyền hợp pháp về đất đai trên mảnh đất của mình. Mảng tồn tại thứ hai là thiếu các bằng chứng pháp lý để xác định các giao dịch trong chuỗi là hợp pháp. Tồn tại này xảy ra khi các bên tham gia tại khẩu trung gian trong chuỗi có các hoạt động phi chính thức và chưa thực hiện trách nhiệm pháp lý của mình đặc biệt là trách nhiệm về thuế. Hai mảng tồn tại này đang trực tiếp ảnh hưởng đến tính bền vững của nguồn nguyên liệu quan trọng này. Việc giải quyết hai mảng tồn tại này đòi hỏi sự điều chỉnh các cơ chế chính sách hiện hành, đặc biệt là các quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản và về trách nhiệm về thuế trong các khâu trung gian của chuỗi. Các cơ chế chính sách mới cần đi theo hướng tập trung kiểm tra giám sát vào các khâu rủi ro trong chuỗi và đơn giản hóa thủ tục tại các khâu ít rủi ro. Cơ chế chính sách mới cũng cần tiệm cận với thực tế hơn, nhằm khuyến khích sự tuân thủ của các bên tham gia. Các tồn tại này được giải quyết sẽ trực tiếp góp phần thúc đẩy việc mở rộng rừng trồng, đem lại giá trị tốt hơn cho các hộ trồng rừng và thúc đẩy ngành gỗ phát triển bền vững trong tương lai.

## 1. Giới thiệu

Gỗ nguyên liệu rừng trồng trong nước hiện là nguồn cung gỗ đầu vào quan trọng nhất cho ngành gỗ.<sup>1</sup> Nguồn cung này không những giúp giảm sự phụ thuộc của Việt Nam vào nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu mà còn giúp giảm rủi ro cho ngành trong việc sử dụng gỗ nguyên liệu nhập khẩu là gỗ tự nhiên có độ rủi ro cao từ các khu vực rừng nhiệt đới.<sup>2</sup> Lượng cung gỗ rừng trồng trong nước ngày càng tăng do việc mở rộng diện tích<sup>3</sup> và do người trồng rừng áp dụng khoa học kỹ thuật vào khâu giống, trồng và chăm sóc rừng tốt hơn. Theo Tổng cục lâm nghiệp (TCLN), lượng cung gỗ từ rừng trồng năm 2021 đạt 21,5 triệu m<sup>3</sup>. Tuy nhiên một số nguồn tin cho rằng con số này nhỏ hơn nhiều so với con số thực tế. Ví dụ Báo cáo của Tô Xuân Phúc và cộng sự năm 2021 cho biết lượng khai thác thực tế có thể lớn gấp gần 2 lần con số mà TCLN công bố.<sup>4</sup>

Thời gian gần đây cung – cầu thế giới về gỗ nguyên liệu và các mặt hàng gỗ đang có nhiều biến động. Ngành gỗ Việt Nam có mức độ hội nhập rất lớn và do vậy cũng không tránh khỏi tác động khi cung – cầu thế giới thay đổi. Đại dịch COVID-19 làm đứt gãy các chuỗi cung, làm tăng chi phí vận chuyển. Xung đột Nga – Ukraina làm tăng các loại chi phí và lạm phát ở nhiều quốc gia, bao gồm cả các thị trường xuất khẩu chính của đồ gỗ Việt Nam như Hoa Kỳ và EU. Theo thông tin chia sẻ từ một số doanh nghiệp, xuất khẩu các mặt hàng gỗ của Việt Nam sang các thị trường này đang giảm mạnh, ở mức trên dưới 40% trong những tháng gần đây. Với các tín hiệu thị trường như hiện nay, ngành gỗ Việt Nam có thể sẽ gặp khó khăn trong việc hoàn thành mục tiêu xuất khẩu 16,5 tỷ USD mà Chính phủ đặt ra cho toàn ngành trong cả năm 2022.

Việc chủ động về nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho ngành từ nguồn gỗ rừng trồng trong nước có vai trò quan trọng đối với sự phát triển bền vững của ngành trong tương lai. Theo đánh giá của chủ tịch một hiệp hội gỗ địa phương, trong ngắn hạn, việc tăng lượng cung gỗ rừng trồng nhằm thay thế gỗ nguyên liệu nhập khẩu là một trong những chiến lược có thể giúp các doanh nghiệp trong ngành đạt được mục tiêu về kim ngạch xuất khẩu trong năm 2022. Tuy nhiên, để gỗ nguyên liệu rừng trồng có thể vượt qua được nguồn gỗ nguyên liệu nhập khẩu đòi hỏi nhiều yếu tố, bao gồm việc người tiêu dùng tại các thị trường xuất khẩu chấp nhận thay đổi từ các loại gỗ hiện đang được sử dụng trong sản phẩm sang gỗ rừng trồng của Việt Nam. Bên cạnh đó, gỗ rừng trồng của Việt Nam cần đảm bảo là gỗ hợp pháp thậm chí là bền vững và các doanh nghiệp xuất khẩu từ Việt Nam cần có đầy đủ bằng chứng để chứng minh cho điều này.

Quan niệm phổ biến hiện nay cho rằng gỗ rừng trồng của Việt Nam là gỗ hợp pháp và rủi ro về mặt pháp lý đối với loại gỗ này rất thấp hoặc thậm chí không tồn tại. Quan niệm này dựa trên cách hiểu rằng gỗ rừng trồng hiện nay được trồng trên các diện tích (1) đất rừng sản xuất được nhà nước giao cho các hộ để trồng rừng sản xuất và (2) đất rừng sản xuất được giao cho các công ty lâm nghiệp nhà nước, đồng thời, các quyền sử dụng đất của hộ và các công ty trên các diện tích đất này được công nhận và bảo vệ bởi nhà nước, thông qua giấy chứng nhận sử dụng đất (hay còn được gọi là sổ đỏ)

<sup>1</sup> Các loài gỗ rừng trồng đa dạng. Keo (tràm) hiện chiếm trên dưới 80% trong tổng số lượng cung gỗ nguyên liệu hàng năm. Bên cạnh đó là một số loài khác như bạch đàn, mõi, thông... Trong Báo cáo này, gỗ rừng trồng không bao gồm gỗ cao su khai thác từ các diện tích cao su thanh lý (Lượng cung khoảng 5 triệu m<sup>3</sup> năm 2021 theo Tổng cục Lâm nghiệp) và cây phân tán (5,5 triệu m<sup>3</sup>).

<sup>2</sup> Bình quân mỗi năm Việt Nam nhập khoảng 5-6 triệu m<sup>3</sup> gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) quy tròn, trong đó gỗ tự nhiên từ các khu vực rừng nhiệt đới chiếm khoảng 30-40% trong tổng lượng nhập khẩu. Phần còn lại (60-70%) là gỗ nhập khẩu từ các khu vực được xác định là vùng địa lý tích cực theo khung pháp lý hiện tại của Việt Nam. Gỗ nhập khẩu từ vùng địa lý tích chủ yếu là từ Hoa Kỳ và các nước Châu Âu.

<sup>3</sup> Con số công bố bởi Tổng cục Lâm nghiệp diện tích rừng hàng năm tăng trên 200.000 ha.

<sup>4</sup> Tham khảo báo cáo “Nguồn cung gỗ keo nguyên liệu của Việt Nam - Thực trạng và xu hướng” (Tô Xuân Phúc, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm - 2021). Truy cập tại: [https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN\\_Ban%20tin%20Go%20keo%20trong%20nuoc.pdf](https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN_Ban%20tin%20Go%20keo%20trong%20nuoc.pdf)

được cấp cho hộ và công ty. Tuy nhiên trong thực tế tính pháp lý của gỗ nguyên liệu rừng trồng phức tạp hơn rất nhiều. Các yếu tố dẫn đến tính phức tạp này rất đa dạng, bao gồm một số diện tích đất giao cho hộ và công ty lâm nghiệp chưa được cấp sổ đỏ; một số diện tích đã được cấp sổ tuy nhiên diện tích và vị trí bản đồ trong sổ đỏ không khớp với thực tế; giao dịch đất đai diễn ra giữa công ty lâm nghiệp và các hộ dân địa phương theo hình thức khoán cả chính thức và phi chính thức trong đó thiếu các bằng chứng về tính hợp pháp của các giao dịch này; mua bán đất diễn ra giữa các hộ theo hình thức hợp đồng miệng và giấy viết tay và không có những bằng chứng pháp lý theo luật định. Sự thiếu hụt các bằng chứng pháp lý về đất đai và trong các giao dịch dẫn tới việc xác định tính hợp pháp của gỗ rừng trồng trên các diện tích đất này trở nên rất khó khăn, và trong một số trường hợp là không thể.

Hiện gỗ rừng trồng trong nước được sử dụng đa dạng. Gỗ có đường kính lớn được sử dụng làm đồ gỗ. Gỗ nhỏ hơn được sử dụng làm ván bóc/ván ép. Gỗ nhỏ, cành, ngọn được sử dụng làm dăm gỗ và viên nén. Điều này có nghĩa rằng tính hợp pháp của gỗ rừng trồng không chỉ quan trọng đối với đồ gỗ xuất khẩu mà còn đối với tất cả các chuỗi cung có sử dụng gỗ nguyên liệu đầu vào từ rừng trồng.

Chính phủ Việt Nam hiện đang thực hiện việc sửa đổi khung pháp lý có liên quan tới tính hợp pháp của gỗ. Cụ thể TCLN hiện đóng vai trò đầu mối trong việc sửa đổi, bổ sung Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT quy định về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu rừng trồng. Chính phủ cũng đã đồng ý phương án sửa đổi Nghị định 102/2020/NĐ-CP quy định hệ thống đảm bảo tính hợp pháp của gỗ. Bên cạnh đó thời gian vừa qua Tổng cục Thuế đã đưa gỗ và sản phẩm gỗ được làm từ gỗ rừng trồng vào danh mục sản phẩm rủi ro về thuế. Cơ quan này lo ngại rằng một số cá nhân, tổ chức tham gia chuỗi cung không hoàn thành nghĩa vụ về thuế trong các giao dịch giữa các khâu trong chuỗi. Việc đưa các mặt hàng gỗ được làm từ gỗ rừng trồng trong nước vào danh mục rủi ro về thuế dẫn đến kết quả rằng tần suất thanh kiểm tra của cơ quan thuế và cơ quan chức năng khác như cơ quan cấp chứng nhận xuất xứ (CO), kiểm lâm, công an và chính quyền địa phương đối với các bên tham gia chuỗi cung tăng. Bên cạnh đó, các yêu cầu của cơ quan quản lý thuế và cơ quan cấp CO về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các doanh nghiệp sử dụng gỗ rừng trồng tạo sản phẩm xuất khẩu và doanh nghiệp cần chứng nhận xuất xứ hiện rất chặt chẽ. Một số doanh nghiệp đang bị tắc trong khâu hoàn thuế do chuỗi cung nguyên liệu còn có các hạn chế.

Việc hiểu rõ thực trạng về tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu rừng trồng trong nước này có vai trò rất quan trọng. Đây là nền tảng để xây dựng các kiến nghị chính sách sát với thực tiễn. Chính sách thông thoáng góp phần thúc đẩy sự tuân thủ pháp luật của các bên tham gia chuỗi cung, tạo chuỗi minh bạch và hợp pháp. Các khía cạnh này sẽ được làm rõ trong báo cáo này.

## 2. Nguồn gỗ nguyên liệu từ rừng trồng

Theo con số chưa công bố của TCLN được chia sẻ trong một báo cáo gần đây (Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2021)<sup>5</sup> tổng diện tích rừng trồng của Việt Nam năm 2020 đạt gần 4,4 triệu ha. Các vùng có diện tích rừng trồng lớn nhất bao gồm Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam trung bộ (Bảng 1).

<sup>5</sup> Tham khảo báo cáo “Nguồn cung gỗ keo nguyên liệu của Việt Nam - Thực trạng và xu hướng” (Tô Xuân Phúc, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm - 2021). Truy cập tại: [https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN\\_Ban%20tin%20Go%20keo%20trong%20nuoc.pdf](https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN_Ban%20tin%20Go%20keo%20trong%20nuoc.pdf)

**Bảng 1. Diện tích rừng trồng của Việt Nam năm 2020 theo vùng**

Vùng	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
Tây Bắc Bộ	207.413	5%
Đông Bắc Bộ	1.584.315	36%
Đồng bằng Sông Hồng	37.059	1%
Bắc Trung Bộ	921.271	21%
Duyên hải Nam Trung Bộ	872.242	20%
Tây Nguyên	382.411	9%
Đông Nam Bộ	222.985	5%
Đồng bằng sông Cửu Long	170.334	4%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.398.030</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2021.<sup>6</sup>

Các tỉnh có các diện tích rừng trồng lớn nhất hiện nay bao gồm Lạng Sơn, Thanh Hóa, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Yên Bái, Quảng Nam và Nghệ An (Bảng 2).

**Bảng 2. Các tỉnh có diện tích rừng trồng lớn nhất tại Việt Nam năm 2020**

Tỉnh	Diện tích rừng trồng (ha)	Tỷ lệ (%)
Lạng Sơn	255.193	6%
Thanh Hóa	253.743	6%
Quảng Ninh	247.838	6%
Quảng Ngãi	225.254	5%
Yên Bái	217.726	5%
Quảng Nam	216.827	5%
Nghệ An	214.325	5%
Khác	2.767.124	63%
<b>Tổng</b>	<b>4.398.030</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Tô Xuân Phúc và cộng sự, 2021.<sup>7</sup>

Một số diện tích rừng trồng hiện nằm xen kẽ trong các diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ. Tuy nhiên phần lớn các diện tích rừng trồng hiện nay là rừng sản xuất với mục tiêu tạo nguồn gỗ phục vụ nhu cầu tiêu dùng.

## 2.1. Rừng trồng sản xuất từ hộ gia đình

Kể từ cuối thập kỷ 90 Chính phủ bắt đầu thực hiện việc giao đất lâm nghiệp cho các hộ gia đình với mục đích mở rộng diện tích rừng trồng, tăng độ che phủ và tạo nguồn thu nhập cho hộ thông qua việc tạo nguồn gỗ rừng trồng từ các diện tích đất này. Kết quả của chính sách này rất ấn tượng: Khoảng 3,19 triệu ha đất rừng đã giao cho các hộ, trong đó bao gồm cả một số diện tích là rừng tự nhiên và rừng phòng hộ.

<sup>6</sup> Tham khảo báo cáo “Nguồn cung gỗ keo nguyên liệu của Việt Nam - Thực trạng và xu hướng” (Tô Xuân Phúc, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm - 2021). Truy cập tại: [https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN\\_Ban%20tin%20Go%20keo%20trong%20nuoc.pdf](https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN_Ban%20tin%20Go%20keo%20trong%20nuoc.pdf)

<sup>7</sup> Nguồn đã dẫn tại chú thích số 6

Đến nay tổng diện tích rừng trồng là rừng sản xuất được giao cho hộ là 1,45 triệu ha, với 1,1 triệu hộ nhận đất (Bảng 3). Các diện tích còn lại của hộ là rừng tự nhiên và rừng phòng hộ.<sup>8</sup>

**Bảng 3. Diện tích rừng trồng của hộ theo vùng sinh thái**

Vùng	Diện tích (ha)	Số hộ
Tây Bắc	105.212	129.868
Đông Bắc	674.244	545.321
Sông Hồng	5.351	6.594
Bắc Trung Bộ	380.319	236.807
Duyên Hải	236.454	153.057
Tây Nguyên	14.002	12.944
Đông Nam Bộ	9.605	13.425
Tây Nam Bộ	26.732	6.562
<b>Tổng</b>	<b>1.451.919</b>	<b>1.104.578</b>

Nguồn: Thống kê chưa công bố của Tổng cục Lâm nghiệp, 2020<sup>9</sup>

## 2.2. Rừng trồng sản xuất của các công ty lâm nghiệp

Chính phủ cũng giao các diện tích rừng sản xuất (và đất rừng phòng hộ) cho các công ty lâm nghiệp sử dụng và quản lý (Bảng 4). Các công ty lâm nghiệp do Chính quyền địa phương trực tiếp quản lý đang nắm giữ các diện tích đất rừng sản xuất lớn.

**Bảng 4. Diện tích đất lâm nghiệp hiện trong các công ty lâm nghiệp hiện nay (ha)**

Công ty	Diện tích rừng SX là rừng trồng (ha)
Tổng Công ty giấy (15 công ty thành viên)	29.720
Công ty giấy Miền Nam	7.827
Tổng Công ty Lâm nghiệp Việt Nam (VINAFOR)	23.433
Công ty lâm nghiệp các địa phương (30 tỉnh)	258.129
<b>Tổng</b>	<b>331.283</b>

Nguồn: Chiến lược Phát triển Lâm nghiệp tới 2030.<sup>10</sup>

Chính sách hiện nay của Nhà nước cho phép các công ty lâm nghiệp giao khoán một phần diện tích của mình cho các hộ sống cạnh các diện tích rừng này. Chính sách này có mục tiêu giúp công ty quản lý và sử dụng đất rừng hiệu quả hơn, nâng cao sinh kế cho các hộ dân nhận khoán và giảm sức ép lên tài nguyên rừng. Thực tế cho thấy việc các công ty lâm nghiệp khoán đất cho hộ hiện đang diễn ra theo cả hình thức chính thức và phi chính thức. Hình thức chính thức được thực hiện khi các công ty lâm nghiệp giao khoán đất trồng rừng cho các hộ với hợp đồng giao khoán được 2 bên ký kết quy định rõ trách nhiệm và quyền lợi của từng bên. Hộ nhận khoán thực hiện trồng rừng và chia sẻ lợi ích với công ty giao khoán. Hình thức khoán phi chính thức diễn ra khi công ty lâm nghiệp giao đất cho các hộ không có hợp đồng giao khoán, với quyền lợi, trách nhiệm của các bên, thời gian giao/nhận

<sup>8</sup> 3,19 triệu ha – 1,45 triệu ha = 1,74 triệu ha

<sup>9</sup>Tham khảo báo cáo: Tạo quỹ đất cho phát triển nguồn gỗ nguyên liệu trong nước bền vững phục vụ chế biến xuất khẩu (Tô Xuân Phúc, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm - 2021). Truy cập tại: [https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Bao%20cao\\_Tao%20quy%20dat%20cho%20phat%20trieu%20nguon%20go%20nguyen%20lieu%20trong%20nuoc%20ben%20vung.pdf](https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Bao%20cao_Tao%20quy%20dat%20cho%20phat%20trieu%20nguon%20go%20nguyen%20lieu%20trong%20nuoc%20ben%20vung.pdf)

<sup>10</sup>Như chú thích số 9

khoán, tỷ lệ ăn chia được 2 bên tự thỏa thuận. Hiện hình thức khoán phi chính thức thiếu các bằng chứng pháp lý.

Một số diện tích đất lâm nghiệp hiện Nhà nước giao cho các công ty lâm nghiệp quản lý đang bị xâm lấn bởi các hộ sống gần rừng. Một số diện tích chồng lấn giữa hộ và công ty lâm nghiệp. Báo cáo này chưa tiếp cận được nguồn số liệu về các diện tích giao khoán, cả theo hình thức chính thức và phi chính thức, cũng như các diện tích chồng lấn giữa công ty lâm nghiệp và người dân và các diện tích mà người dân lấn chiếm. Trên thực tế việc xác định tính hợp pháp đối với gỗ rừng trồng từ các diện tích đất này rất khó khăn.

Báo cáo này có trọng tâm là nguồn gỗ từ các diện tích đất rừng Nhà nước giao trực tiếp cho hộ và diện tích đất của các công ty lâm nghiệp.

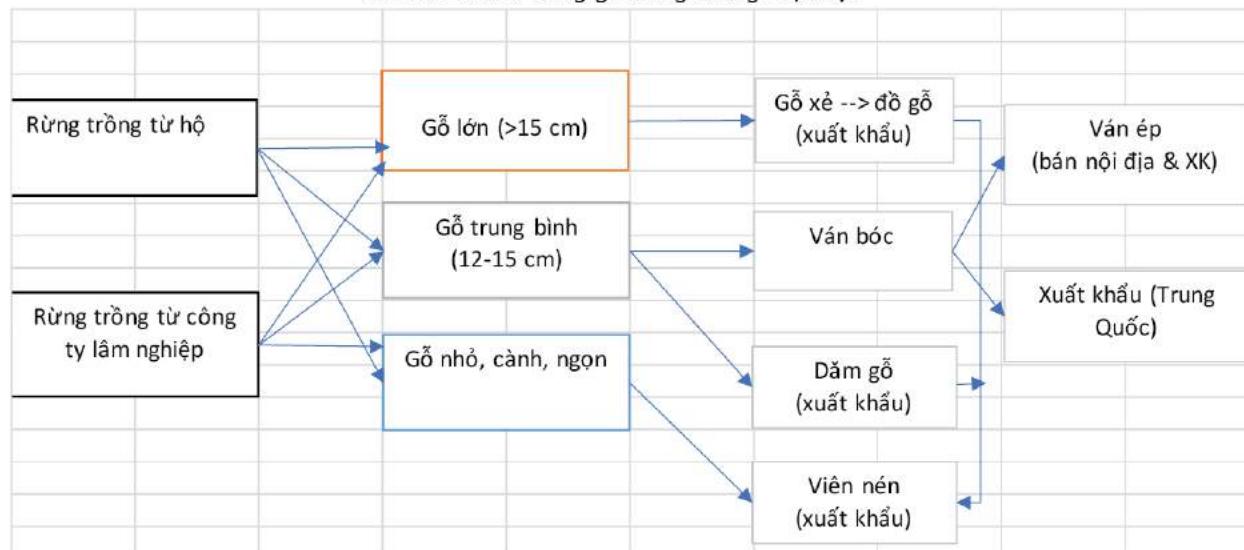
### 2.3. Tổng lượng cung gỗ nguyên liệu từ rừng trồng

Keo là loài gỗ phổ biến trên các diện tích đất rừng sản xuất hiện nay. Theo con số thống kê chưa công bố của TCLN, diện tích trồng keo năm 2020 đạt 2,35 triệu ha, tương đương trên 53% diện tích rừng trồng ở Việt Nam (xem trong báo cáo năm 2021 của Tô Xuân Phúc và cộng sự).<sup>11</sup> TCLN đưa ra con số 21,5 triệu m<sup>3</sup> quy trò là lượng gỗ keo khai thác từ rừng trồng năm 2021 đạt 21,5 triệu m<sup>3</sup> nhưng con số thực tế có thể lớn gấp đôi (cùng nguồn đã trích dẫn). Con số lớn hơn này được đưa ra dựa trên ước tính năng suất bình quân trên mỗi ha keo (100 m<sup>3</sup>) trong chu kỳ 5 năm. Tuy nhiên trên thực tế con số 100 m<sup>3</sup>/ha/5 năm có vẻ quá cao. Nếu lấy con số bình quân là 80 m<sup>3</sup>/ha chu kỳ 5 năm lượng gỗ keo cung hàng năm ra thị trường khoảng 37,6 triệu m<sup>3</sup>/năm. Hiện chưa có con số thống nhất về lượng cung gỗ rừng trồng. Điều này cũng chỉ ra tính phức tạp về việc xác định tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu trên một số diện tích đất. Trước khi đi vào chi tiết, phần 3 dưới đây mô tả chuỗi cung gỗ rừng trồng, chủ yếu là gỗ keo hiện nay.

## 3. Chuỗi cung gỗ rừng trồng hiện tại

Hình 1 mô tả sơ đồ đơn giản hóa của chuỗi cung gỗ rừng trồng hiện tại.

Hình 1. Chuỗi cung gỗ rừng trồng hiện tại



Nguồn: Tác giả, dựa trên thông tin tham vấn với các bên tham gia chuỗi cung năm 2022.

<sup>11</sup> Các loài gỗ rừng trồng còn lại bao gồm bạch đàn, bồ đề, mõ... Tham khảo báo cáo "Nguồn cung gỗ keo nguyên liệu của Việt Nam - Thực trạng và xu hướng" (Tô Xuân Phúc, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm - 2021). Truy cập tại: [https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN\\_Ban%20tin%20Gỗ%20keo%20trong%20nuoc.pdf](https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/FN_Ban%20tin%20Gỗ%20keo%20trong%20nuoc.pdf)

Đầu ra cho nguồn gỗ rừng trồng của hộ và các công ty lâm nghiệp hiện nay tương đối đa dạng, phụ thuộc vào kích cỡ của cây. Thông thường trên một cây gỗ phần gỗ lớn thường được sử dụng để xé phôi, làm nguyên liệu đầu vào cho mặt hàng đồ gỗ nội ngoại thất (chủ yếu xuất khẩu). Phần gỗ nhỏ hơn được đưa vào làm ván bóc được xuất khẩu trực tiếp sang Trung Quốc và làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất ván ép. Phần gỗ nhỏ hơn nữa được đưa vào sản xuất dăm. Phần cuối cùng còn lại như cành, ngọn, bìa bóc được đưa vào sản xuất viên nén. Nhìn chung toàn bộ các phần khác nhau của cây gỗ, kể cả vỏ cây cũng được sử dụng hết. Nhu cầu về gỗ rừng trồng ngày càng tăng và đa dạng.

Trong thực tế chuỗi cung phức tạp hơn, phụ thuộc vào yếu tố vùng – miền và các cơ sở chế biến có mặt tại các vùng miền này. Ví dụ ván bóc chỉ phát triển ở khu vực miền Bắc như Thái Nguyên, Phú Thọ, Yên Bái... bởi đây là các địa phương gần thị trường Trung Quốc. Các nhà máy ván ép sử dụng ván bóc đầu vào cũng tập trung ở các địa phương này. Dăm gỗ phát triển mạnh ở vùng ven biển miền Trung như Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quy Nhơn... nơi có các diện tích rừng trồng lớn và hệ thống cảng nước sâu thuận tiện cho việc cập cảng của tàu có tải trọng lớn để vận chuyển dăm.

Một số thông tin cho rằng 50-60% gỗ rừng trồng hiện tại là gỗ từ các hộ gia đình. Phần còn lại (40-50%) từ các công ty lâm nghiệp. Tuy nhiên, tính chính xác của con số này cần được kiểm chứng, bởi diện tích rừng trồng là rừng sản xuất của các hộ là 1,1 triệu ha và diện tích của các công ty lâm nghiệp là chưa tới 0,4 triệu ha. Bên cạnh đó, trong số diện tích 0,4 triệu ha mà công ty đang quản lý đã có một phần diện tích được giao khoán cho các hộ. Do vậy, lượng cung gỗ từ các diện tích đất mà các công ty lâm nghiệp thực sự quản lý và sử dụng còn thấp hơn. Ngoài ra, một phần diện tích của các công ty đã bị các hộ xâm lấn và sử dụng lâu dài mặc dù trên sổ sách các diện tích này vẫn thuộc công ty. Phần 4 dưới đây mô tả về khung pháp lý hiện tại quy định về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu rừng trồng.

#### 4. Khung pháp lý hiện hành có liên quan đến tính hợp pháp của gỗ rừng trồng

Các cơ chế chính sách hiện tại quy định về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu rừng trồng tương đối đầy đủ, bao gồm cả các chính sách trực tiếp về tính hợp pháp của nguồn gỗ này cũng như chính sách khác kiểm soát các khâu của chuỗi cung gỗ rừng trồng. Các chính sách cụ thể bao gồm:

##### 4.1. Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

**Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT (gọi tắt là thông tư 27) được Bộ NN&PTNT ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2018 Quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.** Đối với nguồn gỗ từ rừng trồng, Thông tư quy định về trình tự, thủ tục khai thác và hồ sơ lâm sản hợp pháp, kiểm tra truy xuất nguồn gốc lâm sản (Điều 1). Thông tư áp dụng đối với tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài, hộ kinh doanh trong nước, hộ gia đình, cá nhân trong nước bên cạnh các chủ thể khác (Điều 2). Điều 5 của Thông tư quy định **bảng kê lâm sản**, trong đó nêu rõ chủ lâm sản (là tổ chức, cá nhân có quyền sở hữu lâm sản hoặc là người đại diện cho chủ lâm sản thực hiện việc quản lý, vận chuyển lâm sản đó (Điều 3), và lập bảng kê lâm sản sau khi khai thác, khi mua bán, vận chuyển... và khi lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xuất khẩu. Điều này cũng quy định chủ lâm sản tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung kê khai và nguồn gốc lâm sản hợp pháp tại bản kê khai. **Đối với gỗ rừng trồng có nguồn gốc từ hộ gia đình hoặc từ công ty lâm nghiệp bảng kê lâm sản không cần có xác nhận của cơ quan quản lý** (Điều 6). Về trình tự, thủ tục khai thác rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân, bao gồm gỗ được trồng theo chính sách, dự án hỗ trợ của Nhà nước Điều 15 quy định Chủ rừng tự quyết định việc khai thác và lập bảng kê lâm sản sau khai thác.

**Đối với hồ sơ nguồn gốc lâm sản từ rừng trồng** (Điều 16), nếu là gỗ khai thác chính từ rừng trồng do Nhà nước là đại diện sở hữu (ví dụ rừng trồng từ các công ty lâm nghiệp – tác giả) thì **hồ sơ lâm sản**

**cần có bản chính bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập và cần có hồ sơ khai thác.** Hồ sơ khai thác bao gồm bản sao dự án lâm sinh hoặc chương trình đã được phê duyệt, báo cáo địa danh, diện tích khối lượng lâm sản dự kiến khai thác theo mẫu 07 của Thông tư. Cụ thể, mẫu 07 phần áp dụng đối với rừng trồng bao gồm thông tin về địa danh (số lô, khoảnh, tiểu khu hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định giao đất, cho thuê đất...), số cây dự kiến khai thác, đường kính trung bình cây, chiều cao trung bình cây và khối lượng khai thác. Nếu **gỗ khai thác từ rừng trồng thuộc sở hữu của tổ chức, cá nhân, hồ sơ lâm sản cần có bản chính bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập.**

Thông tư 27 cũng quy định **hồ sơ lâm sản mua bán, vận chuyển trong nước.** Cụ thể, đối với gỗ rừng trồng chưa chế biến hồ sơ mua bán, vận chuyển trong nước bao gồm bản chính bảng kê lâm sản do chủ lâm sản lập và bản sao hồ sơ nguồn gốc lâm sản của chủ lâm sản bán (Điều 21). Thông tư này cũng quy định **hồ sơ lâm sản tại cơ sở chế biến, mua bán, cất giữ lâm sản.** Cụ thể, các cơ sở chế biến, mua bán, cất giữ lâm sản cần có sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản (Điều 30). Thông tư cung cấp mẫu sổ theo dõi nhập, xuất lâm sản áp dụng cho tổ chức (Mẫu 11), trong đó yêu cầu các cơ sở chế biến thống kê theo dõi lâm sản nhập – xuất thường kỳ. Điều 30 cũng quy định các cơ sở chế biến, mua bán, cất giữ lâm sản có trách nhiệm lập sổ theo dõi và ghi đầy đủ nội dung mỗi lần giao dịch. Đối với các cơ sở chế biến và mua bán gỗ, hồ sơ lâm sản bao gồm sổ theo dõi nhập xuất lâm sản, bảng kê lâm sản và hồ sơ nguồn gốc lâm sản hợp pháp. Chủ cơ sở chế biến mua bán gỗ cần lưu giữ bản chính sổ theo dõi nhập – xuất, bảng kê lâm sản và hồ sơ nguồn gốc lâm sản trong 5 năm. Tại nơi cất giữ lâm sản, chủ lâm sản có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ lâm sản của từng giai đoạn chuỗi cung, bao gồm khâu khai thác, vận chuyển, chế biến, sản xuất, mua bán, xuất nhập khẩu (Điều 32).

Thông tư cũng quy định việc **kiểm tra truy suất nguồn gốc lâm sản.** Cụ thể, **cơ quan kiểm lâm hoặc người đứng đầu cơ quan này** tùy theo chức năng và nhiệm vụ được giao **có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra** (Điều 37) đối với các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi cung (Điều 36). **Kiểm tra có thể diễn ra theo hình thức theo kế hoạch (hàng năm) hoặc đột xuất** khi có dấu hiệu vi phạm của cá nhân, tổ chức tham gia chuỗi cung.

Nhìn chung, các quy định đưa ra trong Thông tư 27 áp dụng cho rừng trồng của hộ và của các công ty lâm nghiệp được trồng trên đất rừng sản xuất là tương đối thông thoáng. Tại khâu khai thác, hộ và công ty có gỗ rừng trồng tự lập bảng kê lâm sản và tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin kê khai. Các tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi cung cần thu thập và lưu trữ hồ sơ nguồn gốc lâm sản, hồ sơ mua bán vận chuyển, cất giữ.

#### 4.2. Thông tư 219/2013/TT-BTC và Thông tư 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính

**Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Luật thuế giá trị gia tăng (gọi tắt là Thông tư 219) và Nghị định 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng<sup>12</sup> quy định các nhóm đối tượng chịu thuế và không chịu thuế, mức thuế các bên tham gia chuỗi cung hàng hóa phải chịu. Điều 4 của Thông tư 219 nêu rõ đối tượng không chịu thuế GTGT bao gồm ‘sản phẩm trồng trọt (bao gồm cả sản phẩm rừng trồng)... chưa chế biến thành các sản phẩm khác... hoặc chỉ qua sơ chế thông thương của tổ chức, cá nhân tự sản xuất...’ Điều này cũng nêu rõ sản phẩm mới qua sơ chế ‘làm sản phẩm mới được làm sạch, sấy, bóc vỏ, cắt...’ Điều này có nghĩa rằng các hộ dân có nguồn gỗ rừng trồng do mình sở hữu khi bán gỗ ở dạng cây đứng hoặc mới chỉ qua khâu sơ chế (ví dụ như bóc bỏ, cắt bỏ cành ngọn, gỗ tròn) sẽ không phải chịu thuế GTGT. Đối với nhóm đối tượng tham gia chuỗi cung ở phía sau của người trồng rừng (ví dụ tư thương mua gỗ của dân), nếu là hộ, cá nhân kinh**

<sup>12</sup> Chi tiết nội dung của Thông tư xem tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-219-2013-TT-BTC-huong-dan-Luat-thue-gia-tri-gia-tang-va-Nghi-dinh-209-2013-ND-CP-220761.aspx>.

doanh...chỉ tham gia khâu kinh doanh thương mại (ví dụ mua gỗ từ hộ, bán cho nhóm đối tượng tiếp theo) đối với các sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường thì kê khai, tính nộp thuế GTGT theo tỷ lệ 1% trên doanh thu.

Thông tư 219 quy định đối với các cơ sở đăng ký kinh doanh (ví dụ hộ kinh doanh cá thể, các cơ sở kinh doanh) tham gia vào các hoạt động sản xuất, gia công, chế biến hàng hóa nếu đóng thuế khoán thì các cơ sở này cần đóng ở mức 3%.

#### **Thông tư 92/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc tính thuế thu nhập cá nhân:**

Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 (gọi tắt là Thông tư 92) hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân.<sup>13</sup> Thông tư này quy định cá nhân kinh doanh có doanh thu 100 triệu /năm trở xuống thì không phải nộp thuế khoán, không phải nộp thuế GTGT không phải nộp thuế thu nhập cá nhân. Cũng theo Thông tư, đối với các cá nhân, cơ sở kinh doanh có doanh thu 100 triệu/năm trở lên thì phải nộp 2 loại thuế: Thuế GTGT và Thuế thu nhập cá nhân. Mức độ áp dụng của 2 loại thuế này cụ thể như sau:

- Đối với cá nhân, cơ sở kinh doanh có hoạt động **phân phối, cung cấp hàng hóa**: Mức thuế GTGT phải nộp là 1%, thuế thu nhập cá nhân là 0,5%
- Đối với cá nhân, cơ sở kinh doanh có hoạt động **sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa**: Mức thuế GTGT phải nộp là 3%, mức thuế thu nhập cá nhân là 1,5%

Điều này có nghĩa rằng những cá nhân, cơ sở kinh doanh tham gia sản xuất, vận chuyển, chế biến như dăm gỗ, ván bóc, dăm rác bán làm nguyên liệu đầu vào để sản xuất viên nén thì phải đóng mức thuế GTGT là 3% và thuế TNCN là 1,5% (tổng số 4,5%).

## 5. Hai tồn tại trong chuỗi cung rừng trồng hiện nay

Hiện nguồn gỗ rừng trồng được khai thác và đưa vào chuỗi cung tạo các sản phẩm như viên nén, dăm gỗ, ván bóc, đồ gỗ nội, ngoại thất đang tồn tại hai vấn đề chính. **Vấn đề thứ nhất là xác minh tính hợp pháp của nguồn gỗ (hay còn gọi là truy xuất nguồn gốc gỗ).** Vấn đề thứ hai là xác minh tính hợp pháp của các giao dịch tại các khâu trung gian trong chuỗi (xác minh tính hợp pháp của các hoạt động sản xuất và thương mại ở các khâu trong chuỗi). Việc xác minh tính hợp pháp của nguồn gốc gỗ có mục tiêu kiểm tra sự tuân thủ của các bên liên quan với các yêu cầu trong Thông tư 27 của Bộ NN & PTNT về nguồn gốc của gỗ rừng trồng từ người trồng rừng, xác minh hồ sơ chứng từ có liên quan tới nguồn gốc gỗ trong các khâu của chuỗi cung cho tới khâu cuối cùng (xuất khẩu hoặc tiêu thụ trong nước). Việc xác minh tính hợp pháp của các giao dịch trong các khâu trung gian của chuỗi có mục tiêu kiểm tra hoạt động sản xuất và thương mại của các bên tham gia chuỗi cung có tuân thủ với các yêu cầu về nghĩa vụ tài chính (thuế, phí) mà các bên cần thực hiện hay không. Đầu ra sản phẩm gỗ (ví dụ dăm, viên nén, ván bóc, đồ gỗ) được coi là hợp pháp khi các bên tham gia chuỗi từ khâu trồng rừng tới khâu tiêu thụ sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ yêu cầu về nguồn gốc gỗ theo tinh thần của Thông tư 27 và các quy định có liên quan tới thuế, phí trong tất cả các khâu trong chuỗi. Tuy nhiên hiện nay các yêu cầu này không được tuân thủ nghiêm ngặt. Một số lý do dẫn đến việc tuân thủ chưa nghiêm bao gồm việc các yêu cầu này không sát với thực tế, gây khó khăn cho việc tuân thủ, cũng như một số bên tham gia chuỗi cung không hợp tác nhằm tiết kiệm và bỏ qua các yêu cầu về

<sup>13</sup> Nội dung chi tiết của Thông tư tham khảo tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thue-Phi-Le-Phi/Thong-tu-92-2015-TT-BTC-huong-dan-thue-gia-tri-gia-tang-thue-thu-nhap-ca-nhan-282089.aspx>.

trách nhiệm tài chính khi tham gia chuỗi. Phần dưới đây sẽ cung cấp thông tin chi tiết về các khía cạnh này. Thông tin trong các phần này tập trung chủ yếu vào nguồn gỗ rừng trồng của hộ gia đình.

### 5.1. Vấn đề thứ nhất: Xác minh nguồn gốc gỗ nguyên liệu đầu vào

Hiện tại việc xác minh nguồn gốc gỗ theo tinh thần của Thông tư 27 tương đối đơn giản. Tại khâu khai thác, các hộ trồng rừng có trách nhiệm lập bảng kê lâm sản sau khi khai thác và lập hồ sơ khai thác, sử dụng mẫu 07 của Thông tư 27, trong đó bao gồm các thông tin về địa danh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hoặc quyết định giao đất, cho thuê đất. Bản photocopy về bảng kê lâm sản và hồ sơ lâm sản được chuyển cho các bên tiếp theo của chuỗi cung (ví dụ các đơn vị mua gỗ rừng trồng từ hộ).

Tuy nhiên trong thực tế hiện còn có nhiều vấn đề tồn tại. Cụ thể, hiện nhiều hộ gia đình được giao đất trồng rừng đã lâu nhưng vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ). Thông tin từ một số doanh nghiệp hiện đang liên kết với các hộ nhằm trồng rừng và phát triển gỗ lớn cho biết chỉ có khoảng 40% số hộ liên kết đã được cấp sổ đỏ. Phần còn lại (60%) chưa được cấp. Tuy con số 40% (được cấp sổ) /60% (chưa được cấp) có thể phản ánh thực trạng của việc cấp sổ trong cả nước hiện nay, điều này phản ánh tình trạng thực tế rằng có thể còn nhiều hộ gia đình vẫn còn chưa được cấp sổ. Thiếu sổ đỏ đồng nghĩa với việc hộ không có bằng chứng pháp lý để minh chứng việc hộ là chủ thể hợp pháp của nguồn đất trồng rừng.

Một số hộ được giao đất đính kèm với sổ đỏ chứng nhận hộ là chủ thể hợp pháp đối với diện tích được giao. Tuy nhiên do quá trình giao đất có một số hạn chế, diện tích đất được giao trên sổ khác với diện tích đất tại thực tế. Trong một số trường hợp, ranh giới (vị trí lô, khoảnh) trên sổ đỏ khác với ranh giới tại thực địa. Việc “vênh” về thông tin về đất đai giữa sổ được giao cho hộ và thực tế khiến cho việc xác nhận tính hợp pháp của nguồn gỗ rừng trồng trên đất giao cho hộ rất khó khăn.

Ở nhiều địa phương, việc giao đất cho các hộ được thực hiện vào cuối thập niên 1990 và đầu những năm 2000. Từ thời điểm giao đất đến nay đã được 20-30 năm tùy từng địa phương. Tại thời điểm giao đất, chủ hộ là người đứng tên trên sổ đỏ. Tại thời điểm hiện tại, nhiều chủ hộ đã mất và con cái là người kế thừa lại sổ đỏ trước đó được giao cho bố mẹ mình là chủ hộ trước đó. Tuy nhiên sổ đỏ này vẫn đứng tên bố mẹ mà chưa được chuyển nhượng cho con cái. Gỗ được con cái trồng trên các diện tích được giao cho bố mẹ này thiếu bằng chứng pháp lý để xác định con cái là chủ thể hợp pháp đối với nguồn gỗ rừng trồng trên đất.

Hiện cũng có nhiều hộ gia đình đang nhận những diện đất từ các công ty lâm nghiệp nhà nước theo hình thức khoán nhằm mục đích trồng rừng. Lợi ích thu được từ rừng trồng được chia sẻ giữa hộ và công ty lâm nghiệp. Khoán đất trồng rừng hiện nay đang diễn ra theo 2 hình thức. Hình thức chính thống diễn ra khi hộ nhận khoán từ công ty lâm nghiệp, với hợp đồng khoán được ký kết giữa công ty lâm nghiệp nhà chủ thể giao khoán và hộ dân nhận đất là chủ thể nhận khoán trong đó quy định trách nhiệm và quyền lợi của từng bên. Hệ thống luật pháp hiện nay cho phép hình thức chính thống này được diễn ra. Hình thức phi chính thống diễn ra khi các công ty lâm nghiệp giao đất cho hộ không có hợp đồng. Về thực tế, hộ nhận đất từ công ty lâm nghiệp để trồng rừng. Khi khai thác gỗ, hộ chia sẻ lợi ích thu được từ rừng trồng với công ty. Tuy nhiên hình thức khoán này không có hợp đồng, do vậy nguồn gỗ từ hộ không có giấy chứng nhận hộ là chủ thể hợp pháp trên đất.

Bên cạnh đó, một số diện tích đất trồng rừng của hộ là các diện tích hộ tự khai hoang; một số diện tích hộ lấn chiếm vào các diện tích mà công ty lâm nghiệp và chính quyền xã quản lý. Nhiều hộ đã sử dụng các diện tích này từ lâu và coi các diện tích đất này là của mình mặc dù về mặt pháp lý các diện tích này được quản lý bởi các công ty lâm nghiệp hoặc chính quyền xã hoặc không biết ai là đơn vị quản lý. Do không được chính quyền công nhận là chủ thể hợp pháp đối với các diện tích đất này, hộ thiếu

bằng chứng pháp lý về quyền đối các diện tích đất này. Gỗ hộ trồng trên các diện tích đất này thiếu các bằng chứng pháp lý xác nhận tính hợp pháp của hộ.

## 5.2. Vấn đề thứ 2: Xác minh tính hợp pháp trong các giao dịch trong chuỗi cung

Việc xác minh tính hợp pháp của các giao dịch trong chuỗi cung gỗ rừng trồng từ hiện đang gặp nhiều khó khăn, trong một số trường hợp là không thể. Chuỗi cung càng dài thì việc xác định càng phức tạp và ngược lại. Nhìn chung chuỗi cung rừng trồng ở các khu vực Đông Nam Bộ, duyên hải miền trung với 2-3 khâu trung gian thường ngắn hơn chuỗi cung ở khu vực Miền núi phía Bắc (3-5 khâu).

Hiện nhiều bên trung gian tham gia chuỗi cung, đặc biệt trong các chuỗi cung phức tạp, không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về thuế đối với các giao dịch của mình. Như đã đề cập ở phần trên, Thông tư 219 và Thông tư 92 của Bộ Tài chính quy định nếu bên tham gia chuỗi cung là hộ hoặc cá nhân kinh doanh chỉ đơn thuần tham gia kinh doanh thương mại thì phải đóng thuế GTGT là 1% trên tổng doanh thu nếu doanh thu của hộ/cá nhân này đạt trên 100 triệu đồng. Nếu doanh thu của hộ trên 1 tỷ đồng /năm thì hộ phải đăng ký để chuyển mô hình sang công ty. Nếu cá nhân và hộ là cơ sở đăng ký kinh doanh (ví dụ hộ kinh doanh cá thể hoặc doanh nghiệp) có tham gia vào hoạt động gia công, chế biến thì cần đóng mức thuế khoán GTGT là 3% và thuế thu nhập cá nhân là 1,5%.

Trên thực tế, các cá nhân, đơn vị tham gia các khâu của chuỗi cung rất đa dạng. Nhiều hộ tham gia chuỗi với vai trò tư thương, không đăng ký hoạt động kinh doanh, sử dụng vốn tự có của mình hoặc vay anh em, bạn bè đi thu gom gỗ từ các hộ trồng rừng trong địa bàn của mình (thôn, xã) để bán cho các hộ tư thương khác với quy mô lớn hơn trong địa bàn rộng hơn (ví dụ xã, huyện). Tại các vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng như Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Cạn, Thanh Hóa, Nghệ An nhiều hộ sử dụng vốn tự có của mình hoặc đi vay từ họ hàng, bạn bè để hình thành các dây chuyền băm dăm, dây chuyền sản xuất ván bóc hoặc xưởng xẻ.<sup>14</sup> Tại đây, các hộ sử dụng các diện tích đất của chính mình như đất thổ cư, đất vườn, đất lâm nghiệp để dựng xưởng, làm kho bãi, sân phơi... cho các sản phẩm đầu ra của mình. Một số hộ đăng ký kinh doanh. Hầu hết các hộ còn lại không.

Sản phẩm đầu ra của hộ (dăm, cành củi, bìa bóc, đầu mẩu gỗ, mùn cưa, vỏ cây...) được các hộ tư thương và các cơ sở sản xuất khác ở khâu tiếp nối của chuỗi cung thu gom, bán lại cho các đơn vị khác ở phía sau của chuỗi. Tại các khâu trung gian này, các bên tham gia ở phần đầu chuỗi (các khâu kế tiếp với hộ trồng rừng) thường có quy mô nhỏ, là các hộ cá thể, không đăng ký kinh doanh. Giao dịch tại các khâu này chủ yếu là các giao dịch không chính thống và do vậy thường thiếu các bằng chứng pháp lý minh chứng cho tính hợp pháp của các giao dịch này. Nói cách khác, các bên tham gia tại các khâu này thường không tuân thủ các yêu cầu pháp lý theo quy định của cả Thông tư 27 của Bộ NN & PTNT về nguồn gốc gỗ và hồ sơ lâm sản và Thông tư 219 và 92 của Bộ Tài chính quy định về mức thuế GTGT và thu nhập cá nhân mà các bên tham gia phải nộp. Càng về phía cuối của chuỗi cung thì các bên tham gia càng có quy mô lớn và thường ở loại hình là các công ty có đăng ký kinh doanh và khai báo và nộp các loại thuế. Các bên tham gia cuối cùng của chuỗi là các công ty viễn nén, dăm gỗ, ván ép, ván dán và đồ gỗ chủ yếu là xuất khẩu.

Pháp luật hiện nay quy định các đơn vị xuất khẩu được phép hoàn thuế GTGT (10%) cho các sản phẩm xuất khẩu của mình. Để thực hiện việc hoàn thuế các đơn vị này cần xuất trình đầy đủ bằng chứng pháp lý trong giao dịch của mình với các chủ thể cung gỗ nguyên liệu hoặc sản phẩm gỗ đầu vào cho đơn vị của mình. Các bằng chứng này bao gồm hợp đồng mua bán giữa 2 bên, hồ sơ lâm sản đính kèm với sản phẩm, hóa đơn tài chính và một số giấy tờ liên quan khác.

<sup>14</sup> Mỗi dây chuyền băm dăm, xẻ hoặc bó đùi hồi nguồn vốn đầu tư khoảng dưới 1 tỷ đồng

Tuy nhiên hiện nay nhiều doanh nghiệp không thể thực hiện được việc hoàn thuế GTGT, đặc biệt đối với các đơn vị sử dụng lượng gỗ nguyên liệu đầu vào lớn như dăm gỗ và viên nén. Tùy thuộc vào quy mô xuất khẩu của các doanh nghiệp, số tiền thuế cần hoàn một số đơn vị ở mức từ vài tỷ lên tới vài chục tỷ mỗi tháng. Hiện nay khó khăn chính trong việc hoàn thuế GTGT của các doanh nghiệp là quá trình kiểm tra các bằng chứng pháp lý trong các giao dịch của chuỗi cung gỗ rừng trồng, đặc biệt đối với các đơn vị xuất khẩu dăm, viên nén có sử dụng lượng gỗ nguyên liệu lớn. Lý do cơ quan quản lý thuế tăng cường thanh, kiểm tra việc hoàn thuế GTGT của các đơn vị xuất khẩu là bởi các đơn vị này mua nguyên liệu đầu vào từ các đơn vị không có hoặc thiếu các bằng chứng chứng minh cho tính hợp pháp trong các giao dịch. Cụ thể, các cá nhân, đơn vị tham gia tại các khâu trung gian trong chuỗi cung hoạt động tự phát, không đăng ký kinh doanh, hoặc có đăng ký kinh doanh nhưng không khai báo và nộp thuế GTGT và thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Thông tư 216 và Thông tư 92. Để hợp pháp hóa nguồn nguyên liệu đầu vào trong các giao dịch tại các khâu trung gian, một số đơn vị tham gia các khâu này tìm cách mua hóa đơn, chứng từ đầu vào cho gỗ nguyên liệu. Việc “hợp pháp hóa” diễn ra trong bối cảnh một số mặt hàng gỗ có tín hiệu rủi ro về lẩn tránh xuất xứ khi các mặt hàng này được nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam để gia công chế biến hoặc lắp ráp sau đó lấy xuất xứ nguồn gốc từ Việt Nam để xuất khẩu đi Hoa Kỳ trong khi hàm lượng gia công, chế biến tại Việt Nam không đủ để có chứng nhận xuất xứ từ Việt Nam. Hợp pháp hóa và gian lận xuất xứ những gây thất thoát trong việc thu thuế cho ngân sách mà còn gây rủi ro cho cả ngành gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Điều tra 301 của Đại diện Cơ quan Thương mại Hoa Kỳ USTR về ngành gỗ Việt Nam tháng 10 năm 2020 có đề cập trực tiếp tới lẩn tránh xuất xứ trong một số mặt hàng gỗ xuất khẩu của Việt Nam.

### 5.3. Các văn bản của Tổng cục Thuế về tăng cường thanh kiểm tra thuế

Trong thời gian vừa qua Tổng cục Thuế của Bộ Tài chính đã ban hành nhiều văn bản yêu cầu và hướng dẫn các cục thuế địa phương tăng cường thanh, kiểm tra các đơn vị tham gia chuỗi cung các nhóm sản phẩm có dấu hiệu rủi ro về gian lận thuế GTGT. Lý do Tổng cục Thuế đưa ra là trong thời gian vừa qua có “không ít đối tượng kê khai khống, thậm chí liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài... kinh doanh để hợp thức hóa hồ sơ, giấy tờ để được hoàn thuế giá trị gia tăng... và gây thất thu lớn cho ngân sách nhà nước.”<sup>15</sup> Theo Tổng cục Thuế, rủi ro đối với gian lận thuế tồn tại đặc biệt ở các DN kinh doanh, xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản. Tín hiệu của gian lận là một số DN sử dụng hóa đơn bán hàng của các DN có trụ sở tại các địa phương không có nguồn nguyên liệu; DN mới thành lập trong thời gian ngắn, có vốn chủ sở hữu thấp nhưng có số lượng hàng hóa bán cho các DN hoàn thuế GTGT rất lớn, có tính chất đột biến. Gian lận xảy ra khi “các DN kinh doanh mặt hàng nông lâm sản thành phẩm thu mua nguyên liệu của người dân và các cơ sở nhỏ lẻ không có hóa đơn GTGT, mua bán hóa đơn bán hàng của các DN có trụ sở tại các địa phương không có nguồn nguyên liệu, mua bán hóa đơn bất hợp pháp của các DN mua bán hóa đơn bất hợp pháp và bỏ địa chỉ kinh doanh để xin hoàn thuế GTGT.” Vụ gian lận thuế điển hình được Tổng cục đưa ra là Công ty Juma Phú Thọ. Công ty mới được thành lập năm 2017 nhưng doanh thu năm 2018-2019 của Công ty tăng đột biến. Trong quá trình rà soát, kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của Công ty, Cục thuế Phú Thọ đã phát hiện hàng hóa mua vào của DN là gỗ tròn với chứng từ mua trực tiếp của người dân. Tuy nhiên khi xác minh thực tế thì các hộ dân cung cấp gỗ tròn cho Công ty theo như hồ sơ chứng từ lại không có mối quan hệ trực tiếp với công ty. Trong trường hợp này, các hồ sơ chứng từ có liên quan tới nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cấp cho công ty không thực tế. Công ty hợp pháp hóa hồ sơ chứng từ nhằm hoàn thuế GTGT bằng cách

<sup>15</sup> Thông tin chi tiết tham khảo tại trang web của Tổng cục Thuế: [https://www.gdt.gov.vn/wps/portal/!ut/p/z0/fcxLC4JAFAxgv9JmlsO9vppchm5MhIIUnY3MS7NiTBzKn5-4aNnqnA8OBzjUwK14D71ww2jFc3XD921yyZMqrxFp5TnFrChYVWYp4pXBCfjwfow3KeJH4Gr0TqzOKh77XYbrCM4i3b1ltZ85l9pnVql-uj7BN1N2H4XetSB1ilyikphGA29KKAxCySVxiVEiZmXQevB2--8abIHA!!/p0/IZ7\\_CQKCVKV008UPD0IMM7VUID00J4=CZ6\\_CQKCVKV008UPD0IMM7VUID00T7=MECTX!QCPgdtQCAcontentQCPsa\\_gdtQCPsa\\_newsQCPsa\\_news taxQCP2022QCPthangQCA4QCPcd6465da-a978-45f1-918e-71469d326455==/](https://www.gdt.gov.vn/wps/portal/!ut/p/z0/fcxLC4JAFAxgv9JmlsO9vppchm5MhIIUnY3MS7NiTBzKn5-4aNnqnA8OBzjUwK14D71ww2jFc3XD921yyZMqrxFp5TnFrChYVWYp4pXBCfjwfow3KeJH4Gr0TqzOKh77XYbrCM4i3b1ltZ85l9pnVql-uj7BN1N2H4XetSB1ilyikphGA29KKAxCySVxiVEiZmXQevB2--8abIHA!!/p0/IZ7_CQKCVKV008UPD0IMM7VUID00J4=CZ6_CQKCVKV008UPD0IMM7VUID00T7=MECTX!QCPgdtQCAcontentQCPsa_gdtQCPsa_newsQCPsa_news taxQCP2022QCPthangQCA4QCPcd6465da-a978-45f1-918e-71469d326455==/).

lập hồ sơ khống và mua bán hóa đơn đầu vào. Chi tiết về vụ việc được công bố trên trang thông tin của Tổng cục Thuế.

#### Công văn 2124/TCT/TTKT của Tổng cục Thuế

Nhằm hạn chế tình trạng gian lận thuế GTGT, Tổng cục Thuế ban hành Công văn 2124/TCT/TTKT ngày 22 tháng 5 năm 2022 gửi các cục thuế các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương về giải quyết hoàn thuế. Theo công văn này, Tổng cục yêu cầu cục thuế các tỉnh thực hiện một số hoạt động liên quan trực tiếp tới một số doanh nghiệp trong ngành gỗ, cụ thể:

- Rà soát, tăng cường công tác quản lý thuế đối với các DN sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu hàng dăm gỗ, gỗ thành phẩm.
- Khi thực hiện thanh tra các cục thuế phải chủ động phối hợp với cơ quan công an và các cơ quan chức năng khác trên địa bàn: Hải quan, Biên phòng, Kiểm lâm... trong việc xác định nguồn gốc gỗ, phân tích, đánh giá hồ sơ theo từng lô hàng để lựa chọn một số lô có dấu hiệu bất thường để thực hiện việc kiểm tra xác minh chọn mẫu. Cụ thể Công văn yêu cầu việc xác định rõ nguồn gốc gỗ trên cơ sở thu thập các tài liệu, hồ sơ chứng minh quá trình thực tế mua hàng, đánh giá tình hình hợp lý của chi phí liên quan như: phiếu cân hàng, chi phí vận chuyển, bốc xếp... máy móc thiết bị có liên quan đến quá trình gia công, băm gỗ (số lượng máy, công suất hoạt động, lượng tiêu thụ điện năng, hóa đơn tiền điện....) chi phí vận chuyển tương ứng với lượng hàng hóa mua vào, bán ra, số lượng xe vận chuyển ra vào... đổi chiếu thanh toán...
- Đối với hàng hóa có nguồn gốc gỗ thu mua trực tiếp từ người dân theo bảng kê hàng hóa, phải thực hiện việc xác minh trực tiếp đến từng người dân theo yếu tố rủi ro. Khi thực hiện kiểm tra về phương diện vận chuyển thì phải thực hiện đổi chiếu giữa lịch trình di chuyển của từng xe, theo từng lái xe...

Với yêu cầu trong công văn, công tác thanh kiểm tra của các cục thuế địa phương với các nhóm chủ thể tham gia các khâu khác nhau của chuỗi cung gỗ rừng trồng được tăng cường, đặc biệt đối với các đơn vị xuất khẩu dăm và các bên liên quan tham gia chuỗi cung này. Hình thức kiểm tra không chỉ đơn thuần có sự tham gia của cơ quan quản lý thuế mà còn có sự tham gia của các cơ quan chức năng khác như công an, chính quyền địa phương, kiểm lâm...

#### Công văn 2928/TCT/TTKT của Tổng cục Thuế

Tiếp theo tinh thần của công văn 2124 nêu trên, ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tổng cục Thuế tiếp tục đưa ra công văn 2928/TCT/TTKT về thanh kiểm tra hoàn thuế GTGT. Công văn cung cấp thông tin về các dấu hiệu có liên đến việc gian lận thuế của một số chủ thể tham gia chuỗi cung, trong đó nêu rõ "*Các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu nông lâm sản sử dụng hóa đơn của các DN không có trụ sở tại các địa phương không có nguồn nguyên liệu; các công ty lập các chứng từ, hồ sơ hoàn thuế khống, không có kho hàng, bến bãi, không có phương tiện vận chuyển... các doanh nghiệp không có địa chỉ kinh doanh, nguồn gốc hàng hóa không rõ ràng...*" Công văn cũng nhấn mạnh về tình trạng một số doanh nghiệp kinh doanh hàng lâm sản có hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT (gọi là DN F0) nhưng có một số dấu hiệu rủi ro, bao gồm:

- Có lượng gỗ nguyên liệu mua vào nhiều nhưng mua của các doanh nghiệp trên địa bàn tại những vùng nguyên liệu gỗ rất ít
- Có vốn chủ sở hữu thấp, trong đó có doanh nghiệp mới thành lập nhưng có số lượng gỗ ván bóc bán cho các DN hoàn thuế GTGT rất lớn, có tính chất đột biến
- Các công ty bán hàng cho DN hoàn thuế (gọi là F1) có mối quan hệ liên kết với DN hoàn thuế F0 như kế toán trưởng, kế toán viên, chủ DN có quan hệ vợ chồng.
- Các DN không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh với cơ quan thuế được thành lập tại các địa bàn sâu xa.

Công văn yêu cầu các cơ quan quản lý thuế tại các địa phương tăng cường việc kiểm tra, giám sát và đề nghị có sự phối hợp giữa cơ quan thuế các cấp để thực hiện kiểm tra xác minh và đối chiếu hàng hóa mua vào và bán ra kiểm tra, thanh tra các đơn vị mua, bán hàng hóa, dịch vụ đối với doanh nghiệp có rủi ro về hoàn thuế GTGT.

Với các yêu cầu liên tục của Tổng cục Thuế về việc kiểm tra, thanh tra việc hoàn thuế GTGT đối với các đơn vị tham gia vào khâu xuất khẩu trong chuỗi cung gỗ rừng trồng, việc hoàn thuế GTGT của nhiều đơn vị xuất khẩu trở nên rất khó khăn. Việc thanh, kiểm tra thuế không chỉ có sự tham gia của cơ quan quản lý thuế mà còn có cả các ban ngành liên quan khác, bao gồm công an và chính quyền địa phương. Điều này làm cho nhiều đơn tham gia xuất khẩu bị sức ép về tâm lý.

## 6. Thực trạng vận hành của chuỗi cung hiện tại

Hiện việc thanh, kiểm tra thuế của các cơ quan chức năng đối với các đơn vị tham gia chuỗi cung gỗ rừng trồng đang diễn ra và hoàn thuế GTGT của nhiều doanh nghiệp trong ngành gỗ, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu dăm với lượng xuất khẩu lớn đang gặp khó khăn. Dù vậy các DN tham gia chuỗi cung vẫn tiếp tục hoạt động. Một số DN đã thay đổi nguồn cung nguyên liệu đầu vào của mình, chỉ mua nguyên liệu/sản phẩm đầu vào từ các nhà cung ứng có đầy đủ bằng chứng hợp pháp về nguồn gốc gỗ và các giao dịch trong chuỗi. Một chủ doanh nghiệp chuyên sản xuất ván ép có trụ sở tại Bắc Cạn có mua gỗ tròn và ván bóc từ các đơn vị khác cho biết hiện tại: "*Chỉ mua gỗ từ các đơn vị có hóa đơn chứng từ đầy đủ.*" Một chủ doanh nghiệp khác chuyên sản xuất đồ ngoại thất xuất khẩu tại Quy Nhơn cho biết chỉ lựa chọn mua phôi gỗ từ các chuỗi cung ngắn với "*hồ sơ giấy tờ đầy đủ [và] nếu không có đầy đủ giấy tờ thì không thanh toán.*" Tuy nhiên, đây chỉ là một trong nhiều cách xử lý của các doanh nghiệp hiện nay. Phần dưới đây sẽ tóm tắt cách thức hiện đang được các DN tham gia khâu cuối cùng của chuỗi cung gỗ rừng trồng hiện nay.

### 6.1. Doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu đồ gỗ nội và ngoại thất

Nhìn chung lượng phôi gỗ rừng trồng cung cấp cho các nhà máy sản xuất sản xuất đồ nội, ngoại thất không nhiều. Một chủ doanh nghiệp có hệ thống các xưởng xẻ tại Thanh Hóa cho biết tại địa bàn tỉnh lượng phôi gỗ sử dụng để phục vụ cho mục đích này chỉ chiếm khoảng 20% trong tổng lượng cung gỗ nguyên liệu rừng trồng của tỉnh. Trong các công ty sử dụng gỗ nguyên liệu rừng trồng có một nhóm các công ty chuyên sản xuất đồ gỗ cho Công ty IKEA. Toàn bộ nguồn gỗ rừng trồng để sản xuất các sản phẩm gỗ cho IKEA là gỗ rừng trồng có chứng chỉ FSC quản lý rừng bền vững (FSC – FM). Các công ty sản xuất đồ gỗ cho IKEA cũng có chứng nhận chuỗi hành trình sản phẩm (FSC – CoC). Để đạt được các chứng chỉ này, toàn bộ các giao dịch trong các khâu của chuỗi và tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu rừng trồng, bao gồm cả hồ sơ lâm sản đều rõ ràng. Các doanh nghiệp do vậy không gặp phải khó khăn khi thực hiện việc hoàn thuế GTGT.

Tuy nhiên nhiều doanh nghiệp khác vẫn tham gia vào chuỗi cung phức tạp hơn, mua gỗ rừng trồng từ nguồn không có chứng chỉ. Một trong những lý do là bởi các thị trường đầu ra cho các sản phẩm này không đòi hỏi sản phẩm phải có chứng chỉ mà chỉ cần đảm bảo sản phẩm là hợp pháp. Để đáp ứng được các yêu cầu này, các doanh nghiệp trong ngành đang áp dụng một trong những các thức sau:

- Lựa chọn chuỗi cung ngắn, đơn giản, với bằng chứng về tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu và các giao dịch trong các khâu của chuỗi cung rõ ràng.
- Lựa chọn các nhà cung cấp gỗ nguyên liệu đầu vào có đầy đủ hồ sơ chứng từ đối với nguồn gỗ đầu vào các bằng chứng pháp lý về các giao dịch. Loại bỏ các nhà cung không có đầy đủ giấy tờ bằng chứng.

- Tiếp tục mua gỗ từ các đơn vị thiếu các bằng chứng pháp lý đầy đủ và trong trường hợp này không thực hiện việc hoàn thuế GTGT.

Để tránh rủi ro về nguồn gỗ rừng trồng, một số doanh nghiệp chuyển từ việc sử dụng gỗ rừng trồng sang sử dụng gỗ nhập khẩu có nguồn gốc và bằng chứng pháp lý rõ ràng.

## 6.2. Các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu viên nén

Nguyên liệu viên nén sử dụng cành cùi ngọn, rác (vỏ cây) đầu mẩu cây, bìa bóc, mùn cưa... Đây là các phế phẩm, phụ phẩm của các nhà máy chế biến gỗ. Do sử dụng nguồn nguyên liệu tạp, bao gồm các dạng nguyên liệu không thể dùng tỷ lệ quy đổi nào để tính toán như đầu mẩu cây, các bộ phận xé thừa, mùn cưa... Các phế phụ phẩm này được tập hợp từ các nguồn cung đa dạng như xưởng xé, xưởng băm dăm, xưởng bóc... Trước khi chuyển tới nhà máy sản xuất viên nén nguồn phế phụ phẩm này có thể trải qua nhiều công đoạn khác nhau. Trong bối cảnh này, việc quy đổi các phế phụ phẩm này thành gỗ nguyên liệu (ví dụ  $m^3$  gỗ tròn) để có hóa đơn, chứng từ trong các giao dịch bao gồm cả bảng kê lâm sản là điều không thể thực hiện. Ngoài ra, việc truy xuất nguồn gốc theo tinh thần của thông tư 27 của Bộ NN và PTNT và truy xuất các giao dịch theo thông báo của Bộ Tài chính cũng không thực hiện được.

Nhằm đáp ứng với các yêu cầu của cơ quan quản lý trong việc truy xuất, một số doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu viên nén hiện nay đang phải tìm cách “hợp pháp hóa” nguồn nguyên liệu đầu vào và các giao dịch trong chuỗi thông qua việc lấy hóa đơn tài chính của các đơn vị khác. Nhiều doanh nghiệp nhận thức được rủi ro này và chia sẻ rằng họ làm điều này có nghĩa rằng họ trở thành “tù nhân dự bị” bởi họ không tuân thủ đúng các yêu cầu của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên các doanh nghiệp này cũng nhấn mạnh rằng họ phải làm vậy vì “không có sự lựa chọn nào khác nếu muốn tồn tại.” Điều này cho chỉ ra thực tế rằng khung pháp luật hiện nay chưa đi vào thực tế.

## 6.3. Doanh nghiệp sản xuất, thương mại và xuất khẩu dăm gỗ

Mặc dù nguyên liệu dăm gỗ chủ yếu là nguồn gỗ nhỏ, cành ngọn, không có vỏ, không tạp như nguồn nguyên liệu cho viên nén, việc xác định nguồn gốc gỗ đầu vào và tính hợp pháp trong các giao dịch cho dăm cũng rất khó khăn. Điều này phổ biến ở khu vực phía Bắc với chuỗi cung dài và nhiều bên tham gia chuỗi cung hoạt động theo hình thức hộ cá thể, không đăng ký kinh doanh, không khai báo và không thực hiện nghĩa vụ về thuế. Đầu tư cho các xưởng dăm không đòi hỏi nguồn vốn lớn. Công nghệ chế biến đơn giản. Nhiều hộ lắp đặt hệ thống xưởng trên các diện tích đất thổ cư, đất vườn hoặc đất lâm nghiệp của mình. Nhiều chủ xưởng không có hạch toán đầu ra đầu vào, hoạt động hoàn toàn theo hình thức tự phát. Dăm từ nguồn của hộ được bán cho bất cứ thương lái nào trả giá cao nhất. Ít hộ quan tâm tới tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu đầu vào hay hồ sơ lâm sản.

Trước khi được chuyển đến nhà xuất khẩu, dăm gỗ từ hộ có thể phải trải qua 2-3 khâu thu mua trung gian khác. Một số bên tham gia các khâu này đăng ký kinh doanh, tập hợp hồ sơ giấy tờ về nguyên liệu và vận chuyển và thực hiện trách nhiệm về thuế cho các giao dịch của mình. Nhiều bên còn lại không. Khi mua dăm từ các bên tham gia khâu trung gian này, một số công ty xuất khẩu dăm yêu cầu và lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu có hồ sơ giấy tờ đầy đủ. Một số công ty không thể thực hiện điều này, vì chuỗi cung phức tạp, do vậy phải tìm cách “hợp pháp hóa” nguồn dăm gỗ đầu vào của mình.

Hiện nhiều doanh xuất khẩu dăm đang gặp phải khó khăn trong việc hoàn thuế GTGT. Khó khăn này là bởi họ thu mua nguyên liệu từ các nguồn thiếu các bằng chứng để xác định tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào.

Trong nhiều trường hợp, mặc dù doanh nghiệp xuất khẩu dăm có đầy đủ các bằng chứng pháp lý về nguồn nguyên liệu đầu vào và đã hoàn thành trách nhiệm về thuế, cơ quan quản lý thuế nhận thấy có tín hiệu rủi ro trong luồng cung dăm cho doanh nghiệp do vậy cũng trì hoãn về hoàn thuế GTGT.

#### 6.4. Doanh nghiệp sản xuất gỗ dán

Giống như các doanh nghiệp xuất khẩu dăm và viên nén, các doanh nghiệp gỗ dán cũng đang chịu sự kiểm tra thuế và hoàn thuế GTGT. Một trong những lý do dẫn đến tình trạng này là rủi ro về thuế có liên quan tới nguồn nguyên liệu đầu vào là gỗ rừng trồng. Vụ việc điển hình trong ngành gỗ dán là vụ Công ty Juma Phú Thọ chuyên sản xuất gỗ dán “hợp pháp hóa” nguồn gốc gỗ nguyên liệu đầu vào bằng cách mua hóa đơn đỏ của các đơn vị không thuộc địa bàn cung nguyên liệu cho Công ty và các hồ sơ lâm sản không khớp với thực tế. Điều này dẫn đến việc điều tra của cơ quan Công an năm 2021 về hành vi trốn thuế của Công ty. Kết quả là 11 cán bộ phụ trách của Công ty bị truy tố.

Kể từ khi vụ việc này xảy ra chuỗi cung gỗ dán đã có những thay đổi đáng kể. Nhiều công ty chỉ lựa chọn các công ty cung nguyên liệu (ván bóc) cho mình với đầy đủ hồ sơ, nguồn gốc gỗ nguyên liệu và các bằng chứng pháp lý trong các giao dịch. Tuy nhiên thực tế vẫn còn một số công ty không thực tiếp tham gia xuất khẩu và chưa tuân thủ chặt chẽ các quy định trong các hoạt động của mình.

### 7. Kết luận và kiến nghị

Quan niệm phổ biến hiện nay là gỗ rừng trồng trong nước đặc biệt là gỗ từ hộ thường là gỗ không có rủi ro hoặc có rủi ro ở mức rất thấp. Quan niệm này được dựa trên nhận thức rằng nguồn gỗ rừng trồng của hộ được tạo ra từ các diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao cho các hộ và hộ có đầy đủ các quyền đính kèm với đất nhằm phát triển rừng trồng. Hộ tự sử dụng nguồn vốn của mình để phát triển rừng trồng. Khi khai thác, nguồn gỗ của hộ được coi là tài sản của hộ và hộ có toàn quyền quyết định về tài sản của mình. Pháp luật hiện nay cũng quy định khi bán gỗ của mình, hộ cũng không phải trả bất cứ khoản thuế nào. Cũng theo luồng quan niệm này, với tính chất rõ ràng như vậy các đơn vị có sử dụng gỗ rừng trồng có nguồn gốc từ hộ gia đình cũng không đối mặt với rủi ro gì về tính pháp lý của nguồn gỗ nguyên liệu và do đó các đơn vị sử dụng gỗ rừng trồng để làm các mặt hàng gỗ như dăm, viên nén, đồ gỗ nội, ngoại thất để xuất khẩu cũng không đối mặt với các rủi ro pháp lý về gỗ nguyên liệu. Xác định gỗ rừng trồng từ hộ là nguồn gỗ ít rủi ro, Thông tư 27 của Bộ NN & PTNT cũng đã tạo ra hành lang thông thoáng cho các hộ trồng rừng và các bên tham gia chuỗi cung trong việc xác định tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu rừng trồng của hộ.

Tuy nhiên thực tế hiện nay cho thấy hiện đang tồn tại 2 vấn đề chính có liên quan tới gỗ rừng trồng của hộ. Vấn đề thứ nhất có liên quan tới việc thiếu các bằng chứng minh chứng cho chủ hộ bán gỗ là người có đầy đủ quyền pháp lý đối với tài sản là gỗ rừng trồng trên đất của mình. Vấn đề thứ 2 có liên quan việc tuân thủ các quy định về thuế trong các hoạt động sản xuất và thương mại của các bên tham gia các khâu trung gian của chuỗi cung. Một số nguyên nhân dẫn đến các tồn tại được hình thành do các bên tham gia chuỗi cung không tuân thủ với các yêu cầu của pháp luật hiện hành. Tuy nhiên, việc các bên chưa tuân thủ với các yêu cầu của luật pháp còn có một phần là do các quy định hiện hành chưa sát với thực tế. Báo cáo đưa ra một số kiến nghị có liên quan trực tiếp tới 2 tồn tại được đề cập ở trên.

#### 7.1. Đơn giản hóa việc xác minh nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào của hộ

Hộ chưa được nhận sổ đỏ, một số hộ đã được nhận nhưng diện tích và ranh giới đất trên sổ đỏ khác với thực tế là các tồn tại của chính quyền địa phương và trách nhiệm giải quyết các tồn tại này thuộc về chính quyền. Trong ngắn hạn, chính quyền cần đưa ra cơ chế xác nhận tính hợp pháp của chủ hộ trên các diện tích đất này. Trong dài hạn, chính quyền cần thực hiện việc cấp sổ đỏ với các diện tích

đất chưa được cấp sổ và điều chỉnh lại sổ đối với các diện tích sai thông tin. Giải quyết các tồn tại này đòi hỏi cần có thời gian và nguồn lực về con người và tài chính (ví dụ cho việc cấp sổ đỏ, đo đạc ranh giới thực địa). Chính quyền các địa phương cần dành ưu tiên về thời gian và nguồn lực để thực hiện các công việc này.

Đối với các diện tích đất của các công ty lâm nghiệp khoán cho các hộ, chính quyền địa phương cần thực hiện rà soát và chuyển đổi toàn bộ hình thức khoán phi chính thống sang hình thức chính thống, ưu tiên việc chuyển đổi các diện tích khoán sang hình thức giao cho hộ sử dụng lâu dài. Việc chuyển đổi này không những giúp đơn giản hóa việc hợp pháp hóa gỗ nguyên liệu được trồng trên các diện tích này mà còn tạo cơ hội minh bạch hơn trong sử dụng đất lâm nghiệp và trong việc chia sẻ lợi ích giữa các hộ là người nhận khoán và các công ty lâm nghiệp là người giao khoán.

Đối với các diện tích mà hộ xâm canh từ lâu, chính quyền hoặc công ty lâm nghiệp nên cân nhắc khả năng giao hoặc khoán lâu dài cho hộ nhằm hợp pháp hóa các hoạt động của hộ trên đất, giúp hộ ổn định sử dụng đất. Đối với các diện tích hộ tự khai hoang, chính quyền cần hợp pháp hóa tình trạng sử dụng đất của hộ thông qua việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ. Đối với cả ba trường hợp (khoán phi chính thức, các diện tích xâm canh và diện tích hộ tự khai hoang), Chính phủ nên cho phép chính quyền cấp xá xác nhận tính hợp pháp của gỗ rừng trồng được hộ tự đầu tư trên các diện tích đất này.

## 7.2. Sửa đổi chính sách hiện hành nhằm đưa chính sách vào thực tiễn

Hiện nhiều bên tham gia chuỗi cung gỗ rừng trồng, đặc biệt là các bên ở phía đầu chuỗi thường là hộ gia đình, có quy mô sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, hoạt động tự phát, không đăng ký kinh doanh và thường không khai báo thuế và không nộp thuế. Các đơn vị phía sau của chuỗi thường có quy mô lớn hơn, hoạt động ở dạng các hộ kinh doanh cá thể hoặc các doanh nghiệp. Do các bên tham gia phía đầu chuỗi thường thiếu các bằng chứng minh chứng cho tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu, thiếu các bằng chứng về các giao dịch, các bên tham gia cuối chuỗi bắt buộc phải hợp thức hóa nguồn nguyên liệu đầu vào của mình. Điều này dẫn đến tình trạng vi phạm trong việc tuân thủ với các quy định hiện hành về hồ sơ nguồn gốc lâm sản và các quy định về thuế. Để giải quyết tình trạng này, Báo cáo kiến nghị một số biện pháp sau:

- Chuyển đổi hình thức sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ của các cá nhân/hộ tham gia đầu chuỗi cung từ hình thức tự phát, phi chính thống như hiện nay sang hình thức chính thống như hộ kinh doanh cá thể hoặc hợp tác xã nông – lâm nghiệp. Để làm được điều này, Chính quyền địa phương cần có cơ chế hỗ trợ các hộ thực hiện việc chuyển đổi và coi việc hỗ trợ này là trách nhiệm của mình. Chuyển đổi nên thực hiện theo phương thức tự nguyện, không cưỡng ép. Để khuyến khích các hộ tự nguyện tham gia chuyển đổi, Chính quyền cần đưa ra các yêu cầu đơn giản, phù hợp với nhận thức, trình độ và hoàn cảnh của hộ. Chính quyền cần hỗ trợ toàn bộ các chi phí liên quan tới việc chuyển đổi của hộ. Mô hình chuyển đổi hộ từ phi chính thức sang chính thức đã được thực hiện tại một số địa phương như tại các huyện/xã nơi có các làng nghề truyền thống của tỉnh Bắc Ninh. Bài học kinh nghiệm từ các mô hình này có vai trò quan trọng trong việc thực hiện. Hoạt động truyền thông, nâng cao nhận thức cho các hộ và các bên liên quan, bao gồm các bên có các hoạt động liên quan trực tiếp với hộ cần được tiến hành tại cả cấp địa phương và trung ương nhằm giúp hộ và các bên liên quan hiểu rõ được tầm quan trọng và lợi ích của việc chuyển đổi.
- Giảm mức thuế khoán của các hộ kinh doanh thương mại đơn thuần (không liên quan tới các hoạt động sản xuất, chế biến) từ mức 1% như hiện nay xuống còn 0% đối với các hộ có doanh thu hàng năm dưới 1 tỷ đồng. Đối với các hộ có doanh thu từ 1 tỷ đồng/năm trở lên thì áp dụng mức thuế khoán 0,5% trên tổng doanh thu và không bắt buộc hộ phải chuyển sang mô hình công ty. Thực tế hiện nay cho thấy các hộ tham gia các hoạt động kinh doanh này hiện không khai báo thuế và

không đóng thuế. Các hộ vien dẫn các lý do bao gồm nguồn thu của hộ không đáng kể và hộ không sẵn sàng nộp thuế; các thủ tục khai báo rườm rà, phức tạp và vượt quá phạm vi hiểu biết của hộ. Việc Chính phủ yêu cầu mức thuế thuế khoán hiện tại đối với hộ ở mức 1% không những không thu được thuế mà còn không khuyến khích được hộ chuyển đổi các hoạt động của mình sang hình thức chính thống. Đưa mức thuế xuống còn 0% hoặc 0,5%, đính kèm và các hoạt động hỗ trợ về mặt kỹ thuật cho hộ khi khai báo thuế sẽ tạo ra động lực khuyến khích hộ thực hiện việc khai báo. Điều này giúp cho việc hợp pháp hóa hoạt động của hộ.

- Giảm mức thuế GTGT từ 3% như hiện nay xuống còn 1% và thuế thu nhập cá nhân từ 1,5% về 0,5% đối với các hộ kinh doanh cá thể hoặc doanh nghiệp tham gia vào khâu gia công chế biến sản phẩm. Theo chia sẻ của một số doanh nghiệp tham gia trong các khâu này, mức thuế hiện tại (tổng số 4,5%) là quá cao và không khuyến khích được các bên tham gia chuỗi thực hiện nghĩa vụ về thuế. Điều này đòi hỏi các bên tham gia tìm cách “lách luật” bằng hình thức mua bán hồ sơ, giấy tờ để hợp pháp hóa các giao dịch của mình. Lách luật không những gây thất thu cho ngân sách mà còn gây rủi ro cho chuỗi cung, bao gồm cả cho các nhà xuất khẩu do không đáp ứng được các yêu cầu pháp lý của Việt Nam và tại các thị trường xuất khẩu. Giảm thuế sẽ tạo động lực khuyến khích các bên tham gia trong các khâu này tuân thủ với yêu cầu mà pháp luật đề ra và tạo ra sự minh bạch trong chuỗi cung. Các bên tham gia chuỗi cung tuân thủ với các yêu cầu pháp luật sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà xuất khẩu trong việc hoàn thuế GTGT.

### 7.3. Đánh giá khách quan về tác động thuế xuất khẩu tới chuỗi cung và đặc biệt tới hộ trồng rừng

Hiện vẫn còn những quan điểm trái chiều về thuế xuất khẩu dăm gỗ (hiện đang áp dụng ở mức 2% hiện nay). Một số quan điểm cho rằng áp dụng thuế xuất khẩu dăm là cần thiết, bởi điều này sẽ giúp hạn chế được xuất khẩu dăm, hạn chế các hộ khai thác gỗ sớm, nhằm tạo động lực cho việc sản xuất gỗ lớn. Theo luồng quan điểm này, gỗ lớn để sản xuất đồ gỗ đem lại giá trị cao hơn cho cả người trồng rừng và các đơn vị làm đồ gỗ. Tuy nhiên, hiện đang tồn tại một luồng quan điểm trái ngược khi cho rằng hiện nhu cầu sử dụng gỗ lớn của các đơn vị sản xuất đồ gỗ không lớn, chỉ chiếm trên dưới 20% trong tổng lượng cung gỗ trồng hiện nay và tạo ra gỗ lớn hơn hiện nay chưa chắc đã có thị trường tiêu thụ và trong bối cảnh này ngành dăm đang đóng vai trò là cứu cánh và là động lực cho việc thúc đẩy rừng trồng phát triển. Theo luồng quan điểm này, việc áp dụng mức thuế xuất khẩu dăm với mục tiêu hạn chế dăm xuất khẩu hiện đang đi ngược với xu thế hiện nay của thị trường và không phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các hộ trồng rừng. Nhiều doanh nghiệp xuất khẩu dăm cũng chia sẻ rằng họ không gánh mức thuế 2% hiện nay mà những chi phí phát sinh do thuế được hạch toán vào cơ cấu giá thành sản phẩm. Nói cách khác, người dân là người cung nguyên liệu đầu vào phải chịu các chi phí phát sinh do việc áp dụng mức thuế này.

Trong thời gian gần đây do giá xuất khẩu dăm tăng mạnh, các hộ trồng rừng ở một số địa phương đặc biệt ở khu vực duyên hải miền Trung chặt gỗ non (cây 2-4 tuổi) để bán làm nguyên liệu dăm. Đây là các địa phương nơi có các cảng xuất khẩu dăm lớn và nhu cầu tiêu thụ gỗ lớn để đưa vào chế biến sâu (đồ gỗ) hạn chế. Các hộ chặt rừng non để bán làm nguyên liệu dăm gây ra một số lo ngại về việc thiếu hụt nguồn nguyên liệu gỗ rừng trồng là gỗ lớn sử dụng để sản xuất đồ gỗ xuất khẩu. Lo ngại này làm dấy lên các thảo luận trong nhóm các doanh nghiệp sử dụng gỗ rừng trồng làm đồ gỗ xuất khẩu về khả năng kiến nghị Chính phủ tăng thuế xuất khẩu dăm lên 5%, thậm chí 10% nhằm hạn chế tình trạng chặt cây non. Tuy nhiên nhóm các doanh nghiệp dăm thì cho rằng hộ trồng rừng có toàn quyền quyết định về thời điểm khai thác rừng của mình và các doanh nghiệp không có quyền để can thiệp vào hoạt động của hộ. Theo luồng quan điểm này, tăng thuế xuất khẩu dăm sẽ gây ra tổn thất cho các hộ trồng rừng.

Việc tăng, giữ nguyên hay bỏ thuế xuất khẩu dăm sẽ có tác động trực tiếp tới tất cả các bên tham gia chuỗi cung. Tuy nhiên nhìn từ góc độ tổng thể, bỏ thuế xuất khẩu có tiềm năng đem lại thêm lợi ích cho các hộ trồng rừng. Để có những quyết định chính xác về việc duy trì, bỏ hay tăng thuế xuất khẩu mặt hàng này, Chính phủ cần có những đánh giá khách quan về tác động của việc áp dụng mức thuế này đối với các bên tham gia chuỗi cung, với trọng tâm là tác động đối với hộ gia đình trồng rừng. Đánh giá này cũng cần đặt trong bối cảnh tổng quan chung về gỗ nguyên liệu, gỗ rừng trồng hiện nay và mối quan hệ của ngành dăm với các ngành khác có cùng sử dụng nguồn gỗ nguyên liệu gỗ rừng trồng như ngành đồ gỗ, gỗ dán và viên nén. Đánh giá này cũng cần quan tâm tới khía cạnh năng lực chế biến sâu ở các vùng nguyên liệu rừng trồng và khả năng tiêu thụ gỗ lớn của các nhà máy chế biến sâu. Kết quả của đánh giá khách quan này sẽ cung cấp cho Chính phủ góc nhìn đa chiều hơn về tác động của thuế xuất khẩu dăm tới các bên tham gia trực tiếp chuỗi cung dăm, cũng như tới các bộ phận khác nhau của ngành gỗ có sử dụng gỗ nguyên liệu rừng trồng trong nước (đồ gỗ, viên nén, ván bóc...). Góc nhìn đa chiều này sẽ giúp Chính phủ có những quyết định phù hợp với bối cảnh thực tế, đảm bảo người trồng rừng là nhóm yếu thế không bị thua thiệt do việc đánh thuế gây ra.

Chính phủ cũng đang cân nhắc về việc áp dụng thuế xuất khẩu viên nén. Đến nay viên nén đã trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của ngành gỗ. Kim ngạch xuất khẩu viên nén hàng năm đạt trên dưới 400 triệu USD. Như đã đề cập ở các phần trên, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất viên nén thường là phế phụ phẩm của ngành gỗ. Trước khi viên nén trở thành mặt hàng xuất khẩu, nguồn phế phụ phẩm này thường được hủy bỏ. Điều này gây tác động tiêu cực tới môi trường. Tận dụng được nguồn phế phụ phẩm để sản xuất viên nén không những góp phần làm tăng thu nhập cho các hộ mà còn giúp cải thiện môi trường. Trong tương lai, nhu cầu viên nén tại các thị trường lớn như Nhật, Hàn Quốc và Trung Quốc sẽ tăng cao, chủ yếu là do việc chuyển đổi từ điện than sang điện sinh học và nhu cầu chất đốt cho hệ thống sưởi. Là quốc gia xuất khẩu viên nén lớn thứ 2 trên thế giới, Việt Nam đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc giúp các quốc gia này chuyển đổi mô hình sang sản xuất năng lượng sạch, giúp các quốc gia nhập khẩu viên nén của Việt Nam thực hiện các cam kết về biến đổi khí hậu theo Công ước Biến đổi khí hậu của Liên hợp quốc tại COP 26. Việc áp dụng thuế xuất khẩu viên nén không những có rủi ro trong việc đánh mất đi một nguồn thu quan trọng cho các hộ trồng rừng từ nguồn phế phụ phẩm mà còn tạo ra các hạn chế trong việc thúc đẩy các quốc gia nhập khẩu viên nén của Việt Nam thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu mà các quốc gia này đã ký kết. Tuy nhiên cũng cần có các quy định để đảm bảo các bên tham gia chuỗi tuân thủ tốt với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam và các quy định của thị trường quốc tế.

